

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.**

- Mã chứng khoán: **TMP.**

- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét (*nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính riêng đính kèm*).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2023 tại đường dẫn <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *nal*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Số: 3284/TMP-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 29 tháng 8 năm 2023

V/v giải trình kết quả kinh doanh
sáu tháng đầu năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (mã CK: TMP) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 (2023: 210,44 tỷ đồng, 2022: 239,51 tỷ đồng), nguyên nhân: Doanh thu bán điện - Thủy điện trong kỳ giảm do sản lượng điện sản xuất 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 (2023: 309,12 triệu kWh, 2022: 382,19 triệu kWh).

Trên đây là giải trình về kết quả sản xuất kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 36

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Non.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu 13468366/67551020-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 22 tháng 8 năm 2022. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.132.187.409.556	1.070.824.194.430
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	198.033.948.000	3.530.155.747
111	1. Tiền		1.733.948.000	3.530.155.747
112	2. Các khoản tương đương tiền		196.300.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		407.000.000.000	733.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	407.000.000.000	733.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		524.118.281.326	331.154.275.358
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	450.725.218.936	272.610.696.880
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		258.694.696	1.056.598.309
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	14.640.000.000	14.640.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	58.494.367.694	42.846.980.169
140	IV. Hàng tồn kho	7	2.787.660.962	2.493.461.627
141	1. Hàng tồn kho		2.787.660.962	2.493.461.627
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		247.519.268	646.301.698
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		247.519.268	178.842.109
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	467.459.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.030.317.485.944	1.060.901.923.062
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		59.454.107.000	66.774.107.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	26	58.600.000.000	65.920.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		854.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		517.156.231.256	542.987.839.181
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	507.704.180.255	533.153.090.234
222	Nguyên giá		2.619.422.004.581	2.613.631.066.803
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.111.717.824.326)	(2.080.477.976.569)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	9.452.051.001	9.834.748.947
228	Nguyên giá		14.290.235.933	14.290.235.933
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.838.184.932)	(4.455.486.986)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.814.322.509	6.944.512.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.814.322.509	6.944.512.876
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		438.394.430.000	438.394.430.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.2	186.134.430.000	186.134.430.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.3	101.400.000.000	101.400.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.4	150.860.000.000	150.860.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.498.395.179	5.801.034.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.629.483.776	5.100.148.856
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	175.273.354	-
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		693.638.049	700.885.149
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.162.504.895.500	2.131.726.117.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		575.052.919.782	581.260.855.753
310	I. Nợ ngắn hạn		223.802.202.009	204.583.159.690
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.867.602.122	34.402.617.364
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	40.818.943.775	75.335.214.298
314	3. Phải trả người lao động		10.143.741.694	23.147.926.103
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.353.463.699	2.077.996.944
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	81.281.989.849	10.983.635.611
320	6. Vay ngắn hạn	17	50.853.956.580	50.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	23.482.504.290	7.781.812.790
330	II. Nợ dài hạn		351.250.717.773	376.677.696.063
338	1. Vay dài hạn	17	330.550.717.773	355.977.696.063
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		20.700.000.000	20.700.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.587.451.975.718	1.550.465.261.739
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.587.451.975.718	1.550.465.261.739
411	1. Vốn cổ phần		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		56.454.368.091	56.454.368.091
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		290.970.919.410	290.931.473.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		540.026.688.217	503.079.420.150
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		329.579.972.738	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		210.446.715.479	503.079.420.150
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.162.504.895.500	2.131.726.117.492



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	359.006.118.484	408.714.243.447
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(105.128.834.909)	(118.034.174.000)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.877.283.575	290.680.069.447
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	41.095.849.350	37.369.938.731
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(18.973.924.684) (18.973.924.684)	(17.268.934.330) (17.268.934.330)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(20.027.694.255)	(20.780.270.462)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		255.971.513.986	290.000.803.386
31	8. Thu nhập khác		13.844.069	235.555.556
40	9. Lợi nhuận khác		13.844.069	235.555.556
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		255.985.358.055	290.236.358.942
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(45.713.915.930)	(50.718.000.000)
52	12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	175.273.354	-
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		210.446.715.479	239.518.358.942



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		255.985.358.055	290.236.358.942
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	31.622.545.703	31.116.329.922
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(41.095.849.350)	(37.369.938.731)
06	Chi phí lãi vay	22	18.973.924.684	17.268.934.330
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		265.485.979.092	301.251.684.463
09	Tăng các khoản phải thu		(179.326.083.286)	(132.834.984.426)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(286.952.235)	269.360.419
11	Giảm các khoản phải trả		(42.945.173.606)	(23.520.303.725)
12	Giảm chi phí trả trước		401.987.921	610.868.814
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.173.300.058)	(17.372.930.671)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(78.116.209.774)	(20.866.837.350)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.759.310.000)	(4.402.250.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(57.719.061.946)	103.134.607.524
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		-	(114.000.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi cho vay		333.320.000.000	161.320.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		27.925.386.257	20.656.455.231
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		361.245.386.257	67.976.455.231

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(25.426.978.290)	(12.713.489.145)
36	Cổ tức đã trả	19.4	(83.595.553.768)	(109.361.596.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(109.022.532.058)	(122.075.085.645)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		194.503.792.253	49.035.977.110
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		3.530.155.747	67.939.072.092
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	198.033.948.000	116.975.049.202



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 108 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 110).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------|---|
| Công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	29 - 34 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	10 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	-	1.260.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.733.948.000	2.270.155.747
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	196.300.000.000	-
TỔNG CỘNG	198.033.948.000	3.530.155.747

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,75%/năm đến 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	450.273.175.216	270.439.289.023
Phải thu từ các bên khác	<u>452.043.720</u>	<u>2.171.407.857</u>
TỔNG CỘNG	<u>450.725.218.936</u>	<u>272.610.696.880</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi hộ	30.555.069.180	30.532.186.661
Phải thu lãi tiền gửi	21.157.358.793	7.986.895.700
Tạm ứng cho nhân viên	3.626.793.460	892.800.000
Khác	<u>3.155.146.261</u>	<u>3.435.097.808</u>
TỔNG CỘNG	<u>58.494.367.694</u>	<u>42.846.980.169</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>30.555.069.180</i>	<i>30.532.186.661</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>27.939.298.514</i>	<i>12.314.793.508</i>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.673.739.423	1.188.668.520
Nguyên vật liệu	1.113.766.339	1.281.163.609
Công cụ, dụng cụ	<u>155.200</u>	<u>23.629.498</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.787.660.962</u>	<u>2.493.461.627</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.335.392.198.944	1.074.658.995.937	177.972.153.705	25.607.718.217	2.613.631.066.803
Mua trong kỳ	-	3.988.000.000	-	1.802.937.778	5.790.937.778
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.335.392.198.944	1.078.646.995.937	177.972.153.705	27.410.655.995	2.619.422.004.581
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.240.144.967.191	595.517.478.972	109.312.874.983	4.168.633.022	1.949.143.954.168
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.254.308.158.084	691.221.255.030	125.778.733.947	9.169.829.508	2.080.477.976.569
Khấu hao trong kỳ	3.355.452.306	23.009.312.201	3.411.877.418	1.463.205.832	31.239.847.757
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.257.663.610.390	714.230.567.231	129.190.611.365	10.633.035.340	2.111.717.824.326
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	81.084.040.860	383.437.740.907	52.193.419.758	16.437.888.709	533.153.090.234
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	77.728.588.554	364.416.428.706	48.781.542.340	16.777.620.655	507.704.180.255
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp	60.833.095.236	340.430.114.839	38.644.661.046	14.370.613.506	454.278.484.627

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>13.151.533.335</u>	<u>1.138.702.598</u>	<u>14.290.235.933</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	158.280.000	158.280.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.201.139.322	254.347.664	4.455.486.986
Hao mòn trong kỳ	214.625.502	168.072.444	382.697.946
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.415.764.824</u>	<u>422.420.108</u>	<u>4.838.184.932</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	8.950.394.013	884.354.934	9.834.748.947
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>8.735.768.511</u>	<u>716.282.490</u>	<u>9.452.051.001</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Văn phòng làm việc tại Thành phố Đồng Xoài	7.839.735.252	6.298.368.673
Dự án điện mặt trời Thác Mơ 375 MWp	646.144.203	646.144.203
Khác	1.328.443.054	-
TỔNG CỘNG	9.814.322.509	6.944.512.876

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền thuê đất trả trước	3.492.563.134	3.270.330.788
Khác	1.136.920.642	1.829.818.068
TỔNG CỘNG	4.629.483.776	5.100.148.856

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.1)	407.000.000.000	733.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	407.000.000.000	733.000.000.000
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.2)	186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.3)	101.400.000.000	101.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.4)	150.860.000.000	150.860.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	438.394.430.000	438.394.430.000
TỔNG CỘNG	845.394.430.000	1.171.394.430.000

12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn là mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6,2%/năm đến 8,5%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	99,92	137.200.000.000	Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	61,17	48.934.430.000	Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải, bán điện
TỔNG CỘNG		186.134.430.000		

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.3 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	20,00	100.000.000.000	Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	35,00	1.400.000.000	Bình Phước, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
TỔNG CỘNG		101.400.000.000		

12.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị khác	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	3,00	149.580.000.000	Quảng Ninh, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	10,00	1.280.000.000	Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh các thiết bị điện
TỔNG CỘNG		150.860.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Công nghệ và Hệ thống	3.383.264.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông	1.587.535.156	-
Công ty TNHH Thành Phát	814.001.330	4.241.620.333
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	-	5.410.755.888
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Khanh	-	4.211.740.000
Khác	9.082.801.636	20.538.501.143
TỔNG CỘNG	14.867.602.122	34.402.617.364
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	14.585.181.291	34.402.617.364
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	282.420.831	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.893.293.844	45.713.915.930	78.116.209.774	28.491.000.000
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.290.414.720	11.032.999.200	12.482.480.844	5.840.933.076
Thuế tài nguyên	2.902.637.767	28.804.634.081	28.677.476.198	3.029.795.650
Thuế giá trị gia tăng	3.896.612.391	35.540.598.533	36.852.631.089	2.584.579.835
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	3.406.230.000	3.406.230.000	-
Thuế khác	352.255.576	4.726.965.517	4.206.585.879	872.635.214
TỔNG CỘNG	75.335.214.298	129.225.343.261	163.741.613.784	40.818.943.775

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lãi vay	449.326.056	648.701.430
Khác	1.904.137.643	1.429.295.514
TỔNG CỘNG	2.353.463.699	2.077.996.944

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ tức phải trả	79.773.320.836	9.560.918.087
Khác	1.508.669.013	1.422.717.524
TỔNG CỘNG	81.281.989.849	10.983.635.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Trả trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND
Ngắn hạn	50.853.956.580	(25.426.978.290)	25.426.978.290	50.853.956.580	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580	(25.426.978.290)	25.426.978.290	50.853.956.580	
Dài hạn	355.977.696.063	-	(25.426.978.290)	330.550.717.773	
Vay ngân hàng	355.977.696.063	-	(25.426.978.290)	330.550.717.773	
TỔNG CỘNG	406.831.652.643	(25.426.978.290)	-	381.404.674.353	

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	381.404.674.353	Ngày 19 tháng 10 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Thác Mơ
Trong đó:				(Thuyết minh số 8)
Vay dài hạn	330.550.717.773			
Vay dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	7.781.812.790	2.732.400.887
Trích lập trong kỳ	19.460.001.500	16.975.169.500
Sử dụng trong kỳ	<u>(3.759.310.000)</u>	<u>(4.007.850.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>23.482.504.290</u>	<u>15.699.720.387</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	700.000.000.000	56.454.368.091	231.969.100.587	285.937.542.411	1.274.361.011.089
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	239.518.358.942	239.518.358.942
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.975.169.500)	(16.975.169.500)
Cổ tức công bố	-	-	-	(210.000.000.000)	(210.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	239.518.358.942	1.286.904.200.531
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	210.446.715.479	210.446.715.479
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(19.460.001.500)	(19.460.001.500)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(154.000.000.000)	(154.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	700.000.000.000	56.454.368.091	290.970.919.410	540.026.688.217	1.587.451.975.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ (trong đó, đã tạm ứng đợt 1 trong năm 2022 là 8%) và trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị VND	% sở hữu
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45
TỔNG CỘNG	700.000.000.000	100,00

19.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng	
Cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức đã công bố bằng tiền	154.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	83.595.553.768	109.361.596.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Doanh thu bán điện	354.947.063.812	404.425.455.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.059.054.672	4.288.788.260
TỔNG CỘNG	359.006.118.484	408.714.243.447

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.595.849.350	14.336.331.231
Cổ tức	13.500.000.000	23.033.607.500
TỔNG CỘNG	41.095.849.350	37.369.938.731

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	43.216.501.381	52.431.779.424
Chi phí khấu hao	30.516.417.893	30.235.266.288
Chi phí nhân công	14.363.002.102	14.924.145.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.132.463.110	17.086.979.030
Chi phí khác	3.900.450.423	3.356.003.953
TỔNG CỘNG	105.128.834.909	118.034.174.000

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Chi phí lãi vay	18.973.924.684	17.268.934.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	8.228.298.128	7.324.269.137
Khấu hao và hao mòn	1.106.127.810	881.063.694
Thuế, phí và lệ phí	408.812.333	477.954.539
Chi phí khác	10.284.455.984	12.096.983.092
TỔNG CỘNG	<u>20.027.694.255</u>	<u>20.780.270.462</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	43.216.501.381	52.909.733.963
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.622.545.703	31.116.329.922
Chi phí nhân công	22.591.300.230	22.394.659.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.694.064.270	10.910.155.468
Chi phí khác	17.032.117.580	21.483.565.477
TỔNG CỘNG	<u>125.156.529.164</u>	<u>138.814.444.462</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Đối với dự án Nhà máy Điện mặt trời, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.713.915.930	50.718.000.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(175.273.354)	-
TỔNG CỘNG	45.538.642.576	50.718.000.000

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	255.985.358.055	290.236.358.942
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	51.197.071.611	58.047.271.788
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	54.000.000	38.280.065
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	47.642.576	-
Thuế TNDN được miễn	(5.760.071.611)	(7.367.551.853)
Chi phí thuế TNDN	45.538.642.576	50.718.000.000

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí trả trước	175.273.354	-	175.273.354	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	175.273.354	-		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			175.273.354	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lại Lệ Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Na	Kế toán trưởng
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrôsa	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	354.791.510.232	404.275.399.970
Công ty Cổ phần Năng lượng REE	Cổ đồng lớn	Chia cổ tức	35.812.488.000	89.523.000.000
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Chia cổ tức Bán điện	43.609.800.000 -	109.032.000.000 248.274.932
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Thu tiền cho vay Lãi cho vay	7.320.000.000 3.043.969.699	7.320.000.000 2.788.746.356
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	13.500.000.000	10.800.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	2.800.854.572	2.809.698.794
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	282.420.831	-
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ Bán điện	1.716.478.600 155.553.580	973.654.287 150.055.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	433.065.804.280	251.545.671.617
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	10.098.878.797	10.098.878.797
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	4.027.552.109	5.025.669.217
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	3.080.940.030	3.721.983.627
Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	-	47.085.765
TỔNG CỘNG			<u>450.273.175.216</u>	<u>270.439.289.023</u>
<i>Phải thu khác</i>				
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Chi hộ	3.287.377.143	3.264.494.624
TỔNG CỘNG			<u>30.555.069.180</u>	<u>30.532.186.661</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	<u>14.640.000.000</u>	<u>14.640.000.000</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	<u>58.600.000.000</u>	<u>65.920.000.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	<u>282.420.831</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc		1.409.556.000	1.310.912.000
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	340.242.000	324.000.000
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	327.642.000	312.000.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	54.000.000	55.200.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	54.000.000	55.200.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT từ ngày 24 tháng 11 năm 2022	54.000.000	-
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 11 năm 2022	-	12.512.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc	289.836.000	276.000.000
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	289.836.000	276.000.000
Thu nhập của Ban kiểm soát		410.436.000	288.000.000
TỔNG CỘNG		1.819.992.000	1.598.912.000

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	4.639.627.520	3.538.310.846
Trên 1 – 5 năm	16.139.392.916	14.644.080.808
Trên 5 năm	26.489.376.676	21.177.677.491
TỔNG CỘNG	47.268.397.112	39.360.069.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 652/NQ-TMP-HDQT ngày 3 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc thanh toán cổ tức còn lại của năm 2022 cho các cổ đông là 10% vốn điều lệ tương ứng với tổng số tiền là 70.000.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn